

THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI HÔN NHÂN CỦA NGƯỜI TRUNG NIÊN

Hồ Quế Trân

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Email: tranhq.tali034@pg.hcmue.edu.vn

Tóm tắt: Nghiên cứu này khảo sát thực trạng thái độ đối với hôn nhân của người trung niên và xem xét sự khác biệt theo giới tính, độ tuổi, tình trạng hôn nhân, đồng thời xác định mức độ ảnh hưởng của một số yếu tố cá nhân, gia đình và xã hội. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng với 374 người trung niên. Kết quả cho thấy thái độ đối với hôn nhân nhìn chung nghiêng về mức tích cực, với điểm tổng trung bình đạt 57,98 ($ĐLC = 11,96$); khi quy đổi theo điểm trung bình mệnh đề, ĐTB đạt 2,52 ($ĐLC = 0,52$). Tuy nhiên, mức điểm này chỉ cao hơn nhẹ so với ngưỡng phân chia giữa xu hướng tiêu cực và tích cực, phản ánh thái độ của người trung niên đối với hôn nhân còn tập trung nhiều ở vùng trung gian. Kết quả kiểm định cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê theo giới tính và tình trạng hôn nhân, trong khi khác biệt theo nhóm tuổi không có ý nghĩa thống kê. Trong các yếu tố ảnh hưởng, điều kiện kinh tế, tình trạng sức khỏe và trải nghiệm cá nhân liên quan đến hôn nhân được đánh giá nổi bật nhất.

Từ khóa: thái độ đối với hôn nhân; người trung niên; giới tính; tình trạng hôn nhân; yếu tố ảnh hưởng.

ATTITUDES TOWARD MARRIAGE AMONG MIDDLE-AGED ADULTS

Abstract: This study examines the current status of attitudes toward marriage among middle-aged adults and differences in attitudes by gender, age group, and marital status. It also identifies the perceived influence of personal, family, and social factors on marital attitudes. A quantitative design was used with 374 middle-aged adults. The results indicate that attitudes toward marriage are generally at a positive level, with a mean total score of 57.98 ($SD = 11.96$); when converted to item-level mean, the average score was 2.52 ($SD = 0.52$). However, this score is only slightly above the threshold between negative and positive tendencies, suggesting that middle-aged adults' attitudes toward marriage remain concentrated around the intermediate range. Statistically significant differences were found by gender and marital status, whereas differences by age group were not statistically significant. Among the influencing factors, economic conditions, health status, and personal experiences related to marriage were rated as the most influential.

Keywords: attitude toward marriage; middle-aged adults; gender; marital status; influencing factors.

Nhận bài: 19/04/2026

Phản biện: 18/05/2026

Duyệt đăng: 22/05/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hôn nhân là một thiết chế xã hội quan trọng, gắn với việc hình thành gia đình, duy trì các quan hệ thân mật, phân chia vai trò chăm sóc và tạo dựng sự ổn định tâm lý - xã hội cho cá nhân. Trong bối cảnh hiện đại, hôn nhân không còn được nhìn nhận đơn thuần như một chuẩn mực bắt buộc, mà ngày càng gắn với sự lựa chọn cá nhân, chất lượng quan hệ, trách nhiệm và mức độ hài lòng trong đời sống chung. Các nghiên cứu về biến đổi giá trị gia đình cho thấy thái độ đối với hôn nhân, vai trò giới và ly hôn có sự thay đổi đáng kể theo thời gian, theo hướng linh hoạt hơn và đề cao hơn yếu tố lựa chọn cá nhân (Thornton & Young-DeMarco, 2001; Gubernskaya, 2010).

Trong bối cảnh Việt Nam, những biến đổi về đô thị hóa, giáo dục, cơ hội việc làm và vai trò giới cũng góp phần làm thay đổi quan niệm về hôn nhân. Nguyễn Hữu Minh (1997) cho thấy các biến đổi kinh tế - xã hội có liên quan đến xu hướng tăng tuổi kết hôn lần đầu ở Việt Nam. Bên cạnh đó, Williams và Guest (2005) ghi nhận ở nhóm trung lưu đô thị tại Việt Nam, Thái Lan và Philippines, hôn nhân vẫn giữ giá trị tích cực

nhưng ngày càng chịu ảnh hưởng bởi điều kiện kinh tế, học vấn, việc làm và mức độ phù hợp của bạn đời. Các nghiên cứu trong nước về sự hài lòng hôn nhân cũng cho thấy đời sống hôn nhân của người Việt có liên quan đến giới tính, độ tuổi, thu nhập, học vấn và điều kiện vật chất gia đình (Phan Thị Mai Hương, Nguyễn Hữu Minh, Phạm Phương Thảo, & Đỗ Thị Lệ Hằng, 2019).

Trong đời sống cá nhân, thái độ đối với hôn nhân không chỉ phản ánh cách con người đánh giá giá trị của hôn nhân, mà còn cho thấy mức độ kỳ vọng, niềm tin và sự thận trọng trước việc lựa chọn hoặc duy trì quan hệ hôn nhân. Những thái độ này có thể chịu ảnh hưởng bởi trải nghiệm cá nhân, đặc điểm gia đình, điều kiện kinh tế, sức khỏe, quan hệ xã hội và các chuẩn mực văn hóa. Segrin, Taylor và Altman (2005) nhấn mạnh rằng trải nghiệm trong quan hệ gia đình có liên quan đến cách cá nhân hình thành nhận thức và định hướng trong các mối quan hệ thân mật.

Đối với người trung niên, việc tìm hiểu thái độ đối với hôn nhân có ý nghĩa riêng vì đây là giai đoạn cá nhân đã tích lũy nhiều trải nghiệm sống,

tương đối ổn định về nghề nghiệp, gia đình và các mối quan hệ xã hội. Ở nhóm tuổi này, hôn nhân thường được nhìn nhận không chỉ từ mong muốn cá nhân, mà còn từ những trải nghiệm thực tế về trách nhiệm, kinh tế, sức khỏe, con cái, sự đồng hành và những rủi ro trong đời sống gia đình. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm khảo sát thực trạng thái độ đối với hôn nhân của người trung niên, kiểm chứng sự khác biệt theo giới tính, độ tuổi và tình trạng hôn nhân, đồng thời xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố cá nhân, gia đình và xã hội đến thái độ đối với hôn nhân.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý thuyết

Thái độ đối với hôn nhân phản ánh cách cá nhân nhìn nhận, đánh giá và định hướng hành vi liên quan đến hôn nhân, bao gồm quan điểm về giá trị, ý nghĩa, sự duy trì và mức độ kỳ vọng đối với quan hệ hôn nhân. Theo Braaten và Rosén (1998), thái độ đối với hôn nhân được thể hiện như sự đánh giá chung của cá nhân đối với hôn nhân và những vấn đề liên quan như kết hôn, duy trì hôn nhân hoặc ly hôn. Ở góc độ rộng hơn, Park và Rosén (2013) cho rằng thái độ đối với hôn nhân không chỉ phản ánh nhận thức, mà còn bao hàm yếu tố cảm xúc và khuynh hướng hành vi của cá nhân đối với đời sống hôn nhân.

Prosser và Rosén (2018) cho rằng việc đánh giá thái độ đối với hôn nhân cần phù hợp với nhiều nhóm cá nhân khác nhau, bao gồm cả người đã kết hôn và chưa kết hôn, bởi mỗi nhóm có thể hình thành niềm tin và kỳ vọng về hôn nhân từ những trải nghiệm sống khác nhau. Bên cạnh đó, thái độ đối với hôn nhân thường được hình thành dưới tác động của nhiều yếu tố như trải nghiệm cá nhân, đặc điểm gia đình, điều kiện kinh tế và bối cảnh xã hội. Điều này đặc biệt quan trọng đối với người trung niên, vì các trải nghiệm về đời sống gia đình, nghề nghiệp, sức khỏe và trách nhiệm xã hội có thể ảnh hưởng đến cách họ đánh giá ý nghĩa của hôn nhân (Segrin et al., 2005; Phan Thị Mai Hương et al., 2019).

Trong bối cảnh xã hội hiện đại, khi vai trò giới, kỳ vọng về gia đình và quan niệm về chất lượng cuộc sống có nhiều thay đổi, thái độ đối với hôn nhân ở người trung niên có thể không đồng nhất giữa các nhóm khách thể. Thornton và Young-DeMarco (2001) cùng Gubernskaya (2010) đều cho thấy sự dịch chuyển từ cách nhìn coi hôn nhân như một chuẩn mực bắt buộc sang cách nhìn đề cao lựa chọn cá nhân, sự bình đẳng và chất lượng

quan hệ. Vì vậy, những khác biệt về giới tính, độ tuổi và tình trạng hôn nhân có khả năng tạo ra các cách nhìn nhận khác nhau về giá trị, lợi ích, rủi ro và mức độ cần thiết của hôn nhân.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng với thiết kế mô tả cắt ngang nhằm khảo sát thực trạng thái độ đối với hôn nhân của người trung niên. Dữ liệu được thu thập bằng phiếu khảo sát, bao gồm ba phần: thông tin nhân khẩu học; thang đo thái độ đối với hôn nhân; và bộ câu hỏi tự đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố cá nhân, gia đình và xã hội đến thái độ đối với hôn nhân.

Thang đo thái độ đối với hôn nhân do Braaten và Rosén (1998) phát triển gồm 23 mệnh đề, được chấm theo thang Likert 4 mức độ. Điểm số được tính dựa trên tổng điểm của 23 mệnh đề sau khi xử lý các mệnh đề cần đảo điểm; điểm càng cao thể hiện thái độ đối với hôn nhân càng tích cực. Căn cứ vào tổng điểm, mức độ thái độ đối với hôn nhân được phân thành bốn mức: rất tiêu cực (23-40 điểm), tiêu cực (41-57 điểm), tích cực (58-74 điểm) và rất tích cực (75-92 điểm).

Kết quả kiểm định độ tin cậy cho thấy thang đo đạt hệ số Cronbach's Alpha = 0,847; hệ số tương quan biến - tổng của các biến quan sát dao động từ 0,324 đến 0,504, đều lớn hơn mức chấp nhận 0,30. Do đó, toàn bộ 23 mệnh đề được giữ lại để sử dụng trong phân tích chính thức.

Dữ liệu được xử lý bằng các phương pháp thống kê mô tả và thống kê suy luận. Các chỉ số điểm trung bình, độ lệch chuẩn, tần suất và tỷ lệ phần trăm được sử dụng nhằm mô tả thực trạng thái độ đối với hôn nhân và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố liên quan. Kiểm định t-test độc lập được sử dụng khi so sánh hai nhóm, trong khi ANOVA được sử dụng khi so sánh từ ba nhóm trở lên. Kết quả được xem là có ý nghĩa thống kê khi $p < 0,05$.

2.3. Mô tả mẫu nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu định lượng gồm 374 người trung niên, được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Trong đó, số lượng nam và nữ tương đối đồng đều, với 185 nam (49,5%) và 189 nữ (50,5%). Về độ tuổi, nhóm khách thể từ 40-50 tuổi chiếm tỷ lệ cao hơn với 258 người (69,0%), trong khi nhóm từ 50-60 tuổi có 116 người (31,0%). Xét theo tình trạng hôn nhân, nhóm đang kết hôn chiếm tỷ lệ cao nhất với 149 người (39,8%), tiếp đến là nhóm chưa từng kết hôn với 123 người (32,9%) và nhóm ly hôn với 102 người (27,3%).

2.4.1. Thực trạng thái độ đối với hôn nhân của người trung niên

Cho thấy thái độ đối với hôn nhân của người trung niên có điểm tổng trung bình đạt 57,98, với ĐLC = 11,96. Theo thang phân loại đã xác lập, mức điểm này thuộc mức tích cực. Tuy nhiên, điểm tổng trung bình 57,98 chỉ nhỉnh hơn rất ít so với ngưỡng bắt đầu của mức tích cực là 58 điểm. Điều này cho thấy thái độ chung của người trung niên đối với hôn nhân tuy nghiêng về chiều hướng tích cực, nhưng mức độ tích cực chưa cao và vẫn tập trung chủ yếu ở vùng trung gian.

Xét về cơ cấu phân bố, nhóm khách thể có thái độ ở mức tích cực chiếm tỷ lệ cao nhất (42,25%), tiếp theo là nhóm tiêu cực (38,50%), trong khi nhóm rất tích cực (9,89%) và rất tiêu cực (9,36%) chiếm tỷ lệ thấp hơn. Kết quả này phản ánh hôn nhân vẫn được phần lớn người trung niên nhìn nhận như một giá trị có ý nghĩa, nhưng thái độ của họ không thiên về sự lý tưởng hóa tuyệt đối mà gắn với sự cân nhắc thực tế.

2.4.2. Biểu hiện thái độ đối với hôn nhân qua 23 mệnh đề

Bảng 1. Biểu hiện thái độ đối với hôn nhân của người trung niên qua 23 mệnh đề

Mệnh đề	Nội dung biểu hiện	ĐTB	ĐLC	XH
Tổng thể 23 mệnh đề	Thái độ đối với hôn nhân	2,52	0,52	
1	Mọi người nên kết hôn.*	2,47	1,05	20
2	Tôi không có nhiều niềm tin rằng cuộc hôn nhân của mình sẽ thành công.	2,56	1,12	5
3	Mọi người nên sống với bạn đời của mình suốt đời.*	2,56	1,10	5
4	Hầu hết các cặp đôi đều không hạnh phúc trong hôn nhân hoặc sẽ ly hôn.	2,44	1,06	22
5	Tôi sẽ cảm thấy thỏa mãn khi kết hôn.*	2,49	1,09	13
6	Tôi sợ hôn nhân.	2,58	1,07	4
7	Tôi có những hoài nghi về hôn nhân.	2,49	1,10	13
8	Mọi người chỉ nên kết hôn khi chắc chắn rằng nó sẽ bền vững mãi mãi.*	2,51	1,09	10
9	Mọi người nên có sự chuẩn bị kỹ lưỡng trước khi bước vào hôn nhân.	2,66	1,06	3
10	Phần lớn các cuộc hôn nhân đều là những tình huống không hạnh phúc.	2,69	1,07	2
11	Hôn nhân chỉ là một hợp đồng pháp lý.	2,52	1,10	8
12	Hôn nhân là một nghi lễ thiêng liêng.*	2,52	1,08	8
13	Hầu hết các cuộc hôn nhân không phải là sự gắn kết bình đẳng.	2,48	1,08	17
14	Phần lớn mọi người phải hy sinh quá nhiều trong hôn nhân.	2,48	1,09	17
15	Vì một nửa số cuộc hôn nhân đều kết thúc bằng ly hôn, nên hôn nhân trở nên vô nghĩa.	2,33	1,03	23
16	Nếu tôi ly hôn, có lẽ tôi sẽ tái hôn.*	2,49	1,07	13
17	Khi mọi người không hòa hợp, tôi tin rằng họ nên ly hôn.	2,53	1,11	7
18	Tôi tin rằng một mối quan hệ có thể bền chặt không kém dù không cần phải làm đám cưới.	2,48	1,12	17
19	Giấc mơ cả đời của tôi là có một cuộc hôn nhân hạnh phúc.*	2,49	1,10	13
20	Không có cái gọi là hôn nhân hạnh phúc.	2,51	1,10	10

21	Hôn nhân hạn chế cá nhân trong việc đạt được mục tiêu của họ.	2,50	1,09	12
22	Con người không được sinh ra để gắn bó với chỉ một mối quan hệ trong suốt cuộc đời.	2,72	1,09	1
23	Hôn nhân mang đến sự gắn kết mà các loại mối quan hệ khác không có.*	2,47	1,11	20

Ghi chú: Các mệnh đề có dấu () là mệnh đề đã được đảo điểm trước khi phân tích. ĐTB: điểm trung bình; ĐLC: độ lệch chuẩn; XH: xếp hạng. Mức độ được diễn giải theo chiều điểm đã xử lý, điểm càng cao thể hiện thái độ đối với hôn nhân càng tích cực.*

Dữ liệu từ Bảng 1 cho thấy điểm trung bình của 23 mệnh đề dao động từ 2,33 đến 2,72. ĐTB chung của toàn thang khi quy đổi theo mệnh đề là 2,52, với ĐLC = 0,52, phản ánh thái độ đối với hôn nhân của người trung niên nghiêng nhẹ về chiều hướng tích cực nhưng chưa thật sự cao.

Trong số các mệnh đề, mệnh đề 22 “Con người không được sinh ra để gắn bó với chỉ một mối quan hệ trong suốt cuộc đời” có ĐTB cao nhất là 2,72, xếp hạng 1. Tiếp theo là mệnh đề 10 “Phần lớn các cuộc hôn nhân đều là những tình huống không hạnh phúc” với ĐTB = 2,69, xếp hạng 2; mệnh đề 9 “Mọi người nên có sự chuẩn bị kỹ lưỡng trước khi bước vào hôn nhân” với ĐTB = 2,66, xếp hạng 3; và mệnh đề 6 “Tôi sợ hôn nhân”

với ĐTB = 2,58, xếp hạng 4. Các kết quả này cho thấy người trung niên có xu hướng nhìn nhận hôn nhân bằng thái độ thận trọng, thực tế và có sự cân nhắc trước các rủi ro trong đời sống hôn nhân.

Ở chiều ngược lại, mệnh đề 15 “Vì một nửa số cuộc hôn nhân đều kết thúc bằng ly hôn, nên hôn nhân trở nên vô nghĩa” có ĐTB thấp nhất là 2,33, xếp hạng 23. Tiếp theo là mệnh đề 4 với ĐTB = 2,44, xếp hạng 22; mệnh đề 1 và mệnh đề 23 cùng có ĐTB = 2,47, xếp hạng 20. Nhìn chung, sự chênh lệch giữa mệnh đề có ĐTB cao nhất và thấp nhất là 0,39 điểm, cho thấy các biểu hiện thái độ không quá phân cực mà chủ yếu tập trung quanh vùng trung gian.

2.4.3. Sự khác biệt về thái độ đối với hôn nhân theo một số tiêu chí

Bảng 2. Kết quả so sánh thái độ đối với hôn nhân theo giới tính, độ tuổi và tình trạng hôn nhân

Tiêu chí	Nhóm	ĐTB	ĐLC	Kiểm nghiệm	Sig.
Giới tính	Nam	62,88	10,54	t-test	0,000 < 0,05 Có khác biệt
	Nữ	53,19	11,34		
Độ tuổi	40-50	57,82	12,03	t-test	0,694 Không khác biệt
	50-60	58,34	11,88		
Tình trạng hôn nhân	Đang kết hôn	61,48	11,61	ANOVA	0,000 < 0,05 Có khác biệt
	Ly hôn	54,51	11,89		
	Chưa kết hôn	56,63	11,43		

Dữ liệu từ Bảng 2 cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về thái độ đối với hôn nhân theo giới tính. Cụ thể, nam giới có điểm tổng trung bình = 62,88, cao hơn nữ giới với điểm tổng trung bình = 53,19. Kết quả kiểm định t-test cho thấy sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p = 0,000$.

Đối với độ tuổi, nhóm 40-50 tuổi có điểm tổng trung bình = 57,82, trong khi nhóm 50-60 tuổi có điểm tổng trung bình = 58,34. Mặc dù nhóm 50-60 tuổi có điểm trung bình cao hơn một chút, kết quả kiểm định t-test cho thấy sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê với $p = 0,694$. Điều này cho thấy trong phạm vi nghiên cứu, độ tuổi không phải là tiêu

chí tạo ra sự khác biệt rõ rệt về thái độ đối với hôn nhân ở người trung niên.

Đối với tình trạng hôn nhân, kết quả ANOVA cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm với $p < 0,001$. Nhóm đang kết hôn có điểm tổng trung bình cao nhất = 61,48, tiếp theo là nhóm chưa kết hôn = 56,63, và thấp nhất là nhóm ly hôn = 54,51. Kết quả này cho thấy tình trạng hôn nhân là tiêu chí có liên quan đến sự khác biệt về thái độ đối với hôn nhân ở người trung niên.

2.4.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến thái độ đối với hôn nhân

Bảng 3. Thực trạng nhận thức về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến thái độ đối với hôn nhân của người trung niên

Nhóm yếu tố	Yếu tố	ĐTB	ĐLC	Xếp hạng
Cá nhân	Những trải nghiệm của cá nhân liên quan đến hôn nhân	3,77	1,08	3
	Điều kiện kinh tế	4,05	0,94	1
	Tình trạng sức khỏe (thể chất/tinh thần)	3,87	1,14	2
	Trình độ học vấn	2,81	1,30	12
	Công việc hiện tại	3,19	1,24	6
Gia đình	Văn hóa, truyền thống, nếp sống trong gia đình	3,05	1,27	9
	Mối quan hệ hôn nhân của người trong gia đình, dòng họ	3,23	1,25	5
	Chuẩn mực, kỳ vọng của gia đình	3,12	1,32	7
	Niềm tin, quan niệm tôn giáo trong gia đình	2,15	1,02	13
Xã hội	Văn hóa, truyền thống về hôn nhân của người Việt	2,96	1,14	10
	Quan niệm xã hội về hôn nhân và vai trò nam nữ	3,46	1,15	4
	Truyền thông và công nghệ số về hôn nhân	2,94	1,22	11
	Trải nghiệm và quan điểm về hôn nhân của bạn bè	3,07	1,19	8

Kết quả từ Bảng 3 cho thấy các yếu tố cá nhân được khách thể đánh giá có mức ảnh hưởng nổi bật đến thái độ đối với hôn nhân. Trong đó, điều kiện kinh tế có ĐTB cao nhất (4,05), xếp hạng 1; tình trạng sức khỏe đạt ĐTB = 3,87, xếp hạng 2; và những trải nghiệm cá nhân liên quan đến hôn nhân đạt ĐTB = 3,77, xếp hạng 3. Các kết quả này cho thấy thái độ đối với hôn nhân ở người trung niên gắn chặt với điều kiện sống thực tế, sức khỏe và trải nghiệm cá nhân.

Đối với nhóm yếu tố gia đình và xã hội, các yếu tố như mối quan hệ hôn nhân của người trong gia đình, chuẩn mực gia đình, quan niệm xã hội về hôn nhân và vai trò nam nữ cũng có ảnh hưởng nhất định. Trong đó, quan niệm xã hội về hôn nhân và vai trò nam nữ đạt ĐTB = 3,46, xếp hạng 4. Điều này cho thấy thái độ đối với hôn nhân của người trung niên không chỉ là kết quả của trải nghiệm cá nhân, mà còn chịu tác động từ môi trường gia đình và các chuẩn mực xã hội xung quanh.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này cung cấp những minh chứng định lượng về thực trạng thái độ đối với hôn nhân của người trung niên. Nhìn chung, kết quả cho thấy thái độ đối với hôn nhân của phần lớn khách thể được khảo sát nghiêng về mức tích cực, tuy nhiên mức độ tích cực chưa cao và chủ yếu

tập trung ở vùng trung gian. Điều này phản ánh người trung niên không phủ nhận giá trị của hôn nhân, nhưng cũng không nhìn nhận hôn nhân theo hướng lý tưởng hóa tuyệt đối.

Nghiên cứu ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về thái độ đối với hôn nhân theo giới tính và tình trạng hôn nhân. Nam giới có điểm thái độ tích cực hơn nữ giới; nhóm đang kết hôn có điểm thái độ cao hơn nhóm đã ly hôn và nhóm chưa kết hôn. Trong khi đó, sự khác biệt theo nhóm tuổi 40-50 và 50-60 không có ý nghĩa thống kê. Các kết quả này cho thấy thái độ đối với hôn nhân ở người trung niên chịu ảnh hưởng rõ hơn bởi giới tính và trải nghiệm tình trạng hôn nhân so với khác biệt về nhóm tuổi trong phạm vi khảo sát.

Bên cạnh đó, các yếu tố cá nhân, gia đình và xã hội đều có liên quan đến thái độ đối với hôn nhân của người trung niên, trong đó nhóm yếu tố cá nhân nổi bật hơn cả. Điều kiện kinh tế, tình trạng sức khỏe và trải nghiệm cá nhân liên quan đến hôn nhân là những yếu tố được đánh giá có mức ảnh hưởng cao nhất. Từ các kết quả trên, có thể thấy hôn nhân vẫn được xem là một giá trị có ý nghĩa, nhưng việc lựa chọn, duy trì hoặc tránh bước vào hôn nhân ngày càng được đặt trên cơ sở thực tế, cân nhắc và có điều kiện hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Braaten, E. B., & Rosén, L. A. (1998). Development and validation of the Marital Attitude Scale. *Journal of Divorce & Remarriage*, 29(3-4), 83-91. https://doi.org/10.1300/J087v29n03_05
- Bassett, L. B., Braaten, E. B., & Rosén, L. A. (1999). Test-retest reliability for the Marital Attitude Scale. *Journal of Divorce & Remarriage*, 32(1-2), 155-158. https://doi.org/10.1300/J087v32n01_10
- Park, S. S., & Rosén, L. A. (2013). The Marital Scales: Measurement of intent, attitudes, and aspects regarding marital relationships. *Journal of Divorce & Remarriage*, 54(4), 295-312. <https://doi.org/10.1080/10502556.2013.780491>
- Prosser, J. L., & Rosén, L. A. (2018). Marital Attitude Scale/The Marital Scales. In J. Lebow, A. Chambers, & D. Breunlin (Eds.), *Encyclopedia of Couple and Family Therapy*. Springer, Cham. https://doi.org/10.1007/978-3-319-15877-8_398-1
- Segrin, C., Taylor, M. E., & Altman, J. (2005). Social cognitive mediators and relational outcomes associated with parental divorce. *Journal of Social and Personal Relationships*, 22(3), 361-377. <https://doi.org/10.1177/0265407505052441>
- Thornton, A., & Young-DeMarco, L. (2001). Four decades of trends in attitudes toward family issues in the United States: The 1960s through the 1990s. *Journal of Marriage and Family*, 63(4), 1009-1037. <https://doi.org/10.1111/j.1741-3737.2001.01009.x>
- Gubernskaya, Z. (2010). Changing attitudes toward marriage and children in six countries. *Sociological Perspectives*, 53(2), 179-200. <https://doi.org/10.1525/sop.2010.53.2.179>
- Williams, L., & Guest, M. P. (2005). Attitudes toward marriage among the urban middle-class in Vietnam, Thailand, and the Philippines. *Journal of Comparative Family Studies*, 36(2), 163-186.
- Nguyễn Hữu Minh. (1997). Age at first marriage in Viet Nam: Patterns and determinants. *Asia-Pacific Population Journal*, 12(2), 49-74. <https://doi.org/10.18356/ddccf6e-en>
- Phan Thị Mai Hương, Nguyễn Hữu Minh, Phạm Phương Thảo, & Đỗ Thị Lệ Hằng. (2019). Sự hài lòng về hôn nhân của người Việt Nam và các nhân tố ảnh hưởng. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*.